

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/DS-ST  
Ngày: 22-9-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản và dịch vụ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Đồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và dịch vụ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:125/2022/QĐXXST-DS ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người làm chứng:* Ông Tống Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn ông Nguyễn Huy C, người làm chứng ông Tống Văn C có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo Đơn khởi kiện ngày 11/8/2022, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Vào khoảng tháng 7/2020, bà L có quan hệ quen biết và làm ăn chung với ông Tống Văn C (*tên thường gọi B*), sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 1, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bình Phước, công việc là mua cây cao su thanh lý để bán lại. Qua công việc làm ăn với ông C1, bà L được biết ông C1 và ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương cũng có mối quan hệ làm ăn chung mua cây cao su thanh lý để bán lại. Sau đó, cả ba chúng tôi thân quen qua công việc làm ăn với nhau. Đến tháng 02/2021, qua lời giới thiệu của ông C1, ông C lúc đó cần vốn mua cây cao su thanh lý có hỏi mượn bà L số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) và hẹn thời gian mượn là 06 tháng sẽ trả lại tiền cho bà L. Bà L đồng ý cho ông C vay mượn số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), việc vay mượn tiền thì ông C có viết “Giấy mượn tiền” ghi ngày 17/02/2021, nội dung giấy có ghi rõ chi tiết việc mượn tiền, ông C có ký nhận và lấn tay người đứng mượn tiền, đồng thời ông C1 ký nhận người làm chứng. Việc vay mượn tiền hai bên chỉ nói miệng là làm ăn được sẽ trả lãi bao nhiêu cũng được. Thực tế, ông C không trả tiền lãi cho bà L. Sau khi vay mượn tiền và đến thời gian trả tiền, bà L có liên lạc để đòi lại tiền nhưng ông C không trả.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 05/2021, ông C có thuê xe tải của bà L để vận chuyển cây cao su thanh lý địa điểm từ huyện D, tỉnh Tây Ninh đến tỉnh Bình Dương; xe của bà L vận chuyển cây cao su cho ông C tất cả là 07 chuyến, giá tiền chở mỗi chuyến được tính theo m<sup>3</sup>, bình quân 01 chuyến xe có số tiền tiền vận chuyển là hơn 7.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền chở 07 chuyến là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, do quen biết và làm ăn chung với nhau nên hai bên chỉ nói miệng, không có hóa đơn chứng từ gì để chứng minh.

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2022, bà L yêu cầu ông C thanh toán số tiền 350.000.000 đồng (*ba trăm năm mươi triệu đồng*), bao gồm 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) tiền nợ vay theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 và 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) tiền vận chuyển hàng hóa không có hóa đơn chứng từ.

- Tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông C thanh toán số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) tiền nợ vay theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021. Bà L, tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) tiền vận chuyển hàng hóa vì không có hóa đơn chứng từ.

*Chứng cứ nguyên đơn bà L cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 11/8/2022, Bản tự khai ngày 11/8/2022, “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 (bản sao).

**\* Quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Huy C trình bày:**

Ông C thừa nhận nội dung có quen biết và làm ăn chung như bà L trình bày. Về việc vay mượn tiền thì trước đó ông C1 có vay mượn tiền của ông C và đã thanh toán xong. Khi dịch bệnh xảy ra, ông C gặp khó khăn nên có vay mượn

lại ông C1 số tiền khoảng hơn 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Sau đó, ông C có nhu cầu vay mượn tiền thêm để làm ăn thì ông C1 giới thiệu ông C vay mượn tiền của bà L. Ông C gặp bà L hỏi vay tiền thì bà L đồng ý, ông C có viết “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 thể hiện có vay số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) và có nhận tiền nhưng thực tế không nhận tiền từ bà L mà nhận từ ông C1, ông C1 giao tiền cho ông C không phải 300.000.000 đồng mà đã trừ đi số tiền mà ông C nợ ông C1 trước đó. Ông C thừa nhận chứng cứ là “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 là do ông C viết, ký tên và lấn tay. Đồng thời, việc vay mượn tiền thì hàng tháng ông C có trả tiền lãi cho ông C1 số tiền là 30.000.000 đồng và việc trả tiền lãi là chỉ đưa cho ông C1 chứ không có giấy tờ gì.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông C thanh toán số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) tiền nợ vay theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 thì ông C đồng ý thanh toán. Tuy nhiên ông C xác định, hiện tại ông C đang gặp khó khăn, không có khả năng thanh toán một lần nên xin được trả góp, mỗi tháng trả số tiền là 5.000.000 đồng. Do bà L không đồng ý cho ông C được trả góp nên ông C xác định hòa giải không thành và yêu cầu Tòa án xét xử theo luật định.

Đối với yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) tiền vận chuyển hàng hóa mà theo bà L không có hóa đơn chứng từ, thực tế là ông C và bà L, ông C1 có làm ăn chung và ông C đã thanh toán xong hết với ông C1, còn ông C1 có giao lại cho bà L hay không thì ông C không biết. Tại phiên tòa, bà L đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện thì ông C đồng ý.

*Chứng cứ bị đơn ông C cung cấp:* Bản tự khai của ông Nguyễn Huy C ngày 15/9/2022.

**\* *Tại bản tự khai ngày 05/9/2022 cũng như tại phiên tòa, người làm chứng ông Tống Văn C1 trình bày:***

Vào khoảng tháng 7/2020, ông C1 và ông C có mối quan hệ làm ăn mua cây cao su thanh lý để bán lại lấy lời. Tháng 02/2021, ông C có nhu cầu cần tiền để làm ăn nên nhờ ông C1 đứng ra giới thiệu để bà L cho ông C vay mượn tiền làm ăn. Bà L cũng là người mua bán cây cao su với nhau nên chúng tôi có quen biết với nhau. Ngày 17/02/2021, ông C có vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) và hẹn thời gian mượn là 06 tháng sẽ trả lại tiền cho bà L, việc vay mượn tiền giữa bà L và ông C thì ông C có viết “Giấy mượn tiền” ghi ngày 17/02/2021, ông C có ký nhận và lấn tay người đứng mượn tiền, đồng thời ông C1 ký xác nhận người làm chứng. Việc vay mượn tiền giữa bà L và ông C theo ông C1 biết là không lãi suất vì do hai bên có quen biết và có làm ăn cùng ngành nghề với nhau nên hỗ trợ lúc khó khăn.

**\* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã

tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đã có mặt đầy đủ các bên đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng dịch vụ”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục các thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc ông C phải thanh toán số tiền nợ vay là 300.000.000 đồng và đình đình giải quyết đối với số tiền 50.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn ông Nguyễn Huy C và người làm chứng ông Tống Văn C1 có mặt. Các đương sự có mặt đầy đủ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật do đó căn cứ vào Điều 227, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, bà L xác định yêu cầu khởi kiện là buộc ông C phải thanh toán số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) là tiền nợ vay theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 và yêu cầu trả một lần; bà L xin rút một phần yêu cầu, không yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) tiền vận chuyển hàng hóa do bà L không có hóa đơn chứng từ. Xét thấy, bị đơn ông C có nơi C1 trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại các Điều 26, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng dịch vụ”. Tại phiên tòa, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, bà L xin rút một phần yêu cầu, không yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) tiền vận chuyển hàng hóa do bà L không có hóa đơn chứng từ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5, 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Quá trình tố tụng cũng như qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận: Bà L có cho ông C vay số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 và đến nay ông C chưa thanh toán tiền gốc. Ông C thừa nhận chứng cứ “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 mà bà L dùng làm căn cứ khởi kiện là do chính ông C viết, ký tên và lăn tay xác nhận. Vì vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Tại phiên tòa, Ông C đồng ý trả cho bà L số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.3] Đối với ý kiến của ông C về việc xin thanh toán bằng hình thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi thanh toán hết số tiền, phía bà L không đồng ý nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Huy C.

Buộc ông Nguyễn Huy C có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) theo “Giấy mượn tiền” ngày 17/02/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Huy C về việc buộc ông C phải thanh toán số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2022.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Huy C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

3.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.750.000 đồng (*tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

theo biên lai thu số AA/2021/0010834 ngày 11/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/9/2022).

5. Quyền yêu cầu thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Minh Đồng**